

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2664 /QĐ-UBND

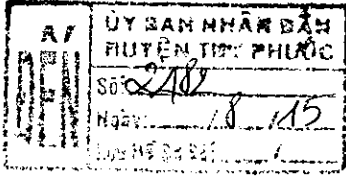
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 28 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển
ngành chăn nuôi tỉnh Bình Định đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKHĐT ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Văn bản số 1292/UBND-KTN ngày 05/5/2011 của UBND tỉnh về việc lập Quy hoạch trồng trọt và chăn nuôi tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 2365/QĐ-CTUBND ngày 14/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương dự toán lập Quy hoạch ngành Chăn nuôi tỉnh Bình Định đến năm 2020;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định Báo cáo Quy hoạch phát triển ngành Chăn nuôi tỉnh Bình Định đến năm 2020 ngày 12/8/2014;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 324/BC-SKHĐT ngày 23/10/2014 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2007/TTr-SNN ngày 29/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Chăn nuôi tỉnh Bình Định đến năm 2020 như sau:

1. Mục tiêu phát triển

1.1. Mục tiêu tổng quát

- Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại, đáp ứng nhu cầu thực phẩm có chất lượng, phục vụ cho tiêu dùng trong nước và tiến đến xuất khẩu.

- Đảm bảo an toàn dịch bệnh, kiểm soát và khống chế có hiệu quả các dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi. Trước hết là dịch cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng gia súc, dịch bệnh heo tai xanh, xây dựng và công nhận vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi giai đoạn 2016 - 2020 bình quân là 6,0%/năm.

- Sản lượng thịt hơi các loại đạt khoảng 216.810 tấn. Trong đó: Thịt heo 152.000 tấn, chiếm 70,1%; thịt bò 41.500 tấn, chiếm 19,1% và thịt gia cầm 21.500 tấn chiếm 10%.

- Sản lượng trứng đạt 480 triệu quả.

- Sản lượng sữa đạt 9.600 tấn.

2. Nội dung quy hoạch

2.1. Đối tượng vật nuôi theo các vùng

- Vùng miền núi: Ưu tiên phát triển chăn nuôi bò, heo, gia cầm.

- Vùng gò đồi trung du: Ưu tiên phát triển chăn nuôi heo, bò, gia cầm.

- Vùng đồng bằng: Ưu tiên phát triển chăn nuôi gia cầm, heo, bò.

2.2. Quy mô đàn vật nuôi

- Đàn heo 1.000.000 con, tốc độ tăng đàn bình quân 4,6%/năm.

- Đàn bò 320.000 con, tốc độ tăng đàn bình quân 4,2%/năm; tỷ lệ bò lai đạt 90%.

- Đàn gia cầm 8 triệu con, tốc độ tăng đàn bình quân 2,7%/năm.

2.3. Cơ cấu sản phẩm các loại vật nuôi

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 216.810 tấn, trong đó:

- Sản lượng thịt heo xuất chuồng đạt 152.000 tấn, chiếm 70,1% tổng sản lượng thịt xuất chuồng các loại.

- Sản lượng thịt bò xuất chuồng đạt 41.500 tấn, chiếm 19,1% tổng sản lượng thịt xuất chuồng các loại.

- Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng đạt 21.500 tấn, chiếm 10,0% tổng sản lượng thịt xuất chuồng các loại.

- Chăn nuôi khác đạt 1.810 tấn, chiếm 0,8% tổng sản lượng thịt xuất chuồng các loại.

2.4. Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại

a) Quy hoạch diện tích phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại: 3.266 ha.

b) Số lượng trang trại là 250, số lượng gia trại là 9.400.

c) Số lượng đàn vật nuôi của trang trại, gia trại:

- Đàn gia súc: 753.700 con, chiếm 55,6% tổng đàn gia súc của tỉnh.

- Đàn gia cầm: 4.880 nghìn con, chiếm 61% tổng đàn gia cầm của tỉnh.

d) Sản phẩm chăn nuôi của trang trại, gia trại:

- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 128.710 tấn, chiếm 59,4% tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng của tỉnh, trong đó:

+ Thịt bò xuất chuồng: 12.450 tấn, chiếm 30% tổng sản lượng thịt bò xuất chuồng cả tỉnh.

+ Thịt heo xuất chuồng: 103.360 tấn, chiếm 68% tổng sản lượng thịt heo xuất chuồng cả tỉnh.

+ Thịt gia cầm: 12.900 tấn, chiếm 60% tổng sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng cả tỉnh.

- Trứng gia cầm: 302,4 triệu quả, chiếm 63% tổng số lượng trứng gia cầm cả tỉnh.

2.5. Cơ sở giết mổ động vật tập trung: Quy hoạch 26 cơ sở giết mổ động vật tập trung với diện tích 16,4 ha.

3. Giải pháp

3.1. Công tác giống

a) Bò thịt:

Tiếp tục thực hiện chương trình lai cải tạo đàn bò địa phương bằng việc sử dụng tinh bò đực Brahman thụ tinh nhân tạo (TTNT) cho bò cái địa phương và sử dụng bò đực Brahman thuần hoặc bò đực lai Braman (từ F₂ trở lên) phối giống trực tiếp cho bò cái địa phương ở những vùng không có điều kiện áp dụng TTNT.

Triển khai lai kinh tế bò thịt ở tất cả các huyện, thị, thành phố: Sử dụng tinh các giống bò chuyên thịt Charolais, Red Angus, Drought Master, BBB (Belgian Blue Banlace), Limuosine, Brahman TTNT cho bò cái lai Zebu (từ F₂ trở lên) tạo bò lai F₁ hướng thịt chất lượng cao.

Quản lý nguồn tinh đông viên để sử dụng thụ tinh nhân tạo bò. Hàng năm tổ chức bình tuyển, giám định bò đực giống nhảy trực tiếp để có kế hoạch quản lý, sử dụng.

b) Heo:

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác giống heo. Đối với đàn lợn giống ông bà: Tập trung phát triển nuôi lợn nái thuần hoặc nái lai dòng mẹ từ 2 giống khác nhau (chủ yếu sử dụng 2 giống Yorkshire và Landrace làm dòng mẹ) để sản xuất nái lai 2 máu cung cấp giống lai cho đàn lợn bố mẹ. Đàn lợn giống bố mẹ (YorkLand) sẽ cho lai với giống lợn Duroc và Pietrain để tận dụng ưu thế lai tạo ra đàn lợn thương phẩm lai 3, 4, 5 máu ngoại.

Đưa các giống heo ngoại năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để nâng cao trọng lượng và chất lượng đàn heo thịt.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giống heo: Kiểm tra điều kiện sản xuất kinh doanh, áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành của các cơ sở sản xuất kinh doanh giống và liệu tinh heo. Quản lý chặt chẽ đàn heo giống nhảy trực tiếp trong nhân dân.

c) Công tác giống gia cầm:

Đẩy mạnh xã hội hóa sản xuất giống gia cầm. Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh xây dựng các cơ sở chăn nuôi sản xuất giống gia cầm. Tập trung công tác quản lý Nhà nước về điều kiện sản xuất kinh doanh giống; điều kiện ấp nở; việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành của các cơ sở sản xuất giống gia cầm.

- Đối với giống gà: Thực hiện việc chọn lọc, lai cải tiến giống gà ta, đồng thời phát triển các giống gà công nghiệp hướng trứng, gà nuôi thả vườn năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Đối với giống vịt: Bên cạnh việc phát triển mạnh các giống vịt chuyên trứng như Khakicampbell, Triết Giang, thực hiện việc chọn lọc, nhân giống, phát triển đàn vịt mồi địa phương. Từng bước phát triển các giống vịt chuyên thịt và giống ngan Pháp theo nhu cầu của thị trường.

3.2. Thức ăn chăn nuôi

a) Thức ăn thô xanh cho đàn trâu bò:

Quy hoạch diện tích gieo trồng cây thức ăn chăn nuôi là 10.000 ha. Phát triển mạnh thị trường cây thức ăn chăn nuôi thô xanh. Khuyến khích nông hộ trồng cây thức ăn chăn nuôi trên đất cây hàng năm nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Sử dụng triệt để các sản phẩm phụ trồng trọt như rơm rạ, thân đậu, ngô... để cung cấp thức ăn thô xanh cho trâu bò, nhất là vào mùa mưa.

b) Thức ăn tinh:

- Đối với các gia trại, trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ, để giảm giá thành có thể sử dụng nguyên liệu có sẵn tại địa phương để chế biến kết hợp với thức ăn đậm đặc tự trộn làm thức ăn cho chăn nuôi.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi nhằm quản lý tốt chất lượng thức ăn chăn nuôi.

3.3. Khoa học - công nghệ

- Nghiên cứu đưa vào sản xuất các giống gia súc - gia cầm mới, cao sản; chọn tạo các tổ hợp lai phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Ứng dụng các chế phẩm công nghệ sinh học để cải thiện môi trường trong chăn nuôi.

- Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp chế biến, bảo quản, dự trữ để nâng cao giá trị dinh dưỡng các loại thức ăn thô xanh, phế phụ phẩm trong công nghiệp, nông nghiệp phục vụ cho chăn nuôi.

- Ứng dụng công nghệ cao về chuẩn đoán và phòng trừ dịch bệnh, công nghệ chế biến bảo quản, công nghệ xử lý môi trường,...

- Áp dụng công nghệ thông tin để quản lý giống bò, giống heo, gia cầm.

3.4. Công tác thú y

- Giám sát, thông tin dịch bệnh: Củng cố và tăng cường hệ thống giám sát, thông tin dịch bệnh gia súc gia cầm, thực hiện nghiêm túc, thường xuyên và đầy đủ ở các cấp chính quyền nhất là ở cơ sở để phát hiện và có các biện pháp ngăn chặn kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra.

- Phòng chống dịch bệnh: Xây dựng các chương trình phòng, không chế và dập tắt dịch bệnh, nhất là những bệnh nguy hiểm, bệnh lây giữa người và động vật. Xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y: Tăng cường công tác kiểm soát vận chuyển, kiểm dịch tại gốc nhằm giảm nguy cơ dịch bệnh lây lan.

- Kinh doanh và sử dụng thuốc thú y: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh thuốc và chế phẩm sinh học thú y.

- Công tác cán bộ: Biên chế đủ cán bộ cho cơ quan thú y các cấp đảm bảo hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

- Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền: Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến kiến thức và tuyên truyền giáo dục cho người dân hiểu biết pháp luật về thú y.

3.5. Tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Thành lập các HTX mới theo nhu cầu phát triển sản xuất, trên cơ sở đó đẩy mạnh liên doanh - liên kết, gắn sản xuất - chế biến với tiêu thụ sản phẩm, nhằm mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng suất, sức cạnh tranh và phát triển thị trường.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, hình thành kênh phân phối sản phẩm chăn nuôi tại các chợ ở đô thị, siêu thị, trường học, nhà hàng, các khu cụm công nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.6. Công tác khuyến nông

- Mở các lớp hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, kỹ thuật chế biến thức ăn gia súc (thức ăn thô xanh, thức ăn tinh).

- Mở các lớp tập huấn về phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; an toàn vệ sinh thực phẩm từ khâu chăn nuôi, giết mổ, chế biến... Phát hành những tờ rơi, cuốn sách nhỏ về phòng chống dịch bệnh; làm cho công tác thú y thực sự được "xã hội hóa".

- Thông qua các chương trình, dự án, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới từ các viện, trường, các trung tâm nghiên cứu và các tổ chức khác trong, ngoài tỉnh.

- Cung cấp các thông tin về giống, về giá cả vật tư đầu vào, thị trường tiêu thụ và giá cả sản phẩm,... để giúp người chăn nuôi có quyết định đúng đắn.

- Phối hợp cùng UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các mô hình chăn nuôi tiên tiến nhằm khuyến cáo kỹ thuật và hướng dẫn thực hành cho người chăn nuôi.

- Hỗ trợ người chăn nuôi xây dựng các tổ chức hợp tác chăn nuôi thích hợp để giúp đỡ các hoạt động về chăn nuôi, tạo vốn, tiếp thị tiêu thụ sản phẩm...

3.7. Chính sách

- Chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại.

- Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

- Chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành chăn nuôi.

3.8. Môi trường

- Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi hình thành các khu vực chăn nuôi trang trại, gia trại với quy mô lớn và vừa, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý và kiểm soát chất thải, giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với hình thức chăn nuôi hộ gia đình phải đầu tư xây dựng chuồng trại và hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ động vật theo các mô hình thiết kế mới, hiện đại để thuận tiện trong việc áp dụng công nghệ cao và dễ dàng xử lý các yếu tố gây ô nhiễm môi trường.

- Đầu tư xây dựng phát triển mạnh hầm biogas để xử lý nước thải chăn nuôi. Áp dụng công nghệ chăn nuôi heo, gà trên nền đệm lót sinh học.

- Xây dựng và công nhận các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn dịch bệnh.

4. Các chương trình, dự án ưu tiên

- Chương trình phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

- Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao.
- Dự án đầu tư phát triển đàn heo giống.
- Dự án đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.
- Dự án kêu gọi đầu tư sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn đến chế biến và tiêu thụ để tạo động lực phát triển chăn nuôi.

5. Nhu cầu vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư

5.1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư : 1.731.390 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách : 101.370 triệu đồng, chiếm 5,8%;
- Vốn tín dụng : 984.410 triệu đồng, chiếm 56,9%;
- Vốn của người chăn nuôi : 645.610 triệu đồng, chiếm 37,3%.

5.2. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn hỗ trợ của Trung ương thông qua các chính sách phát triển chăn nuôi, các chương trình, dự án phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm...
- Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và xã.
- Vốn vay tín dụng của người dân để phát triển sản xuất thông qua các Ngân hàng thương mại Việt Nam.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân, vốn tự có của nông hộ đầu tư phát triển chăn nuôi.

(Kèm theo Báo cáo Quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi tỉnh Bình Định đến năm 2020)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan đầu mối phối hợp với các sở ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nội dung của quy hoạch và tiến hành triển khai các chương trình, đề án, dự án theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Định kỳ sơ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi cho phù hợp với tình hình thực tế ở từng thời điểm.

2. Các sở, ngành, đơn vị liên quan tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi đã được phê duyệt, lập đề án, dự án cụ thể ở địa phương, phối hợp với các Sở ngành liên quan triển khai kế hoạch phát triển ngành chăn nuôi và các dự án đầu tư có liên quan trên địa bàn.

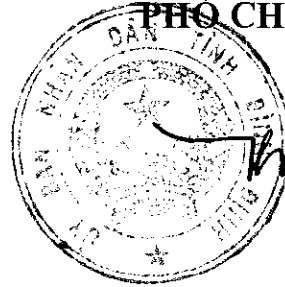
Uk

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *llk*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (Báo cáo)
- TT HĐND tỉnh (báo cáo)
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K1, K10, K13 (60b) *llk*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



llk
Trần Thị Thu Hà